

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 32,300 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -5.6% | -5.3% | 6.8% |

| | | |
|-------|-------|-------------------|
| Q3/24 | | |
| ROE | 18.7% | +/- YoY ▲ 2.4% |

| | | |
|----------|-----|-------------------------|
| Q3/24 | | |
| DT thuần | 129 | QoQ ▲ 11.0 ▲ 9.3% |
| tỷ VNĐ | | YoY ▲ 1.00 ▲ 0.8% |

| | | |
|----------|-----|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| DT thuần | 361 | YoY ▼ 33.0 ▼ 8.3% |
| tỷ VNĐ | | |

| | | |
|--------|------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN gộp | 52.1 | QoQ ▲ 7.50 ▲ 16.9% |
| tỷ VNĐ | | YoY ▲ 4.80 ▲ 10.2% |

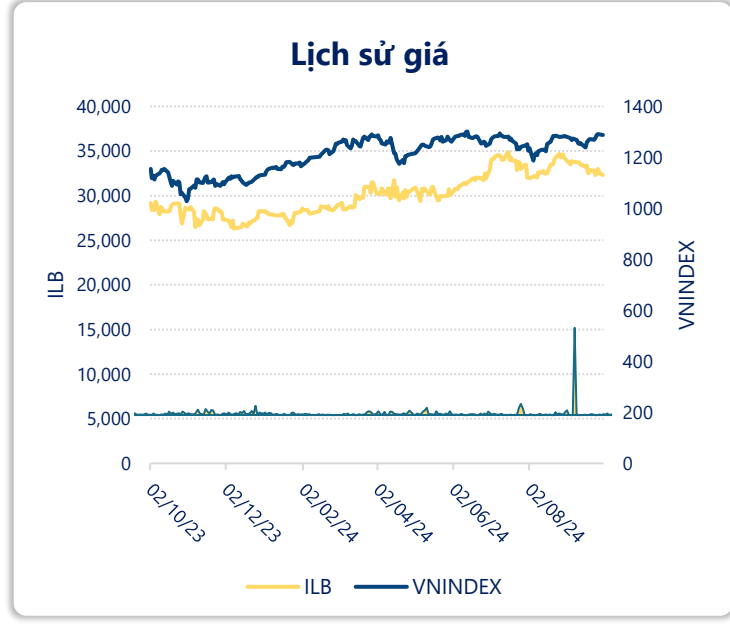
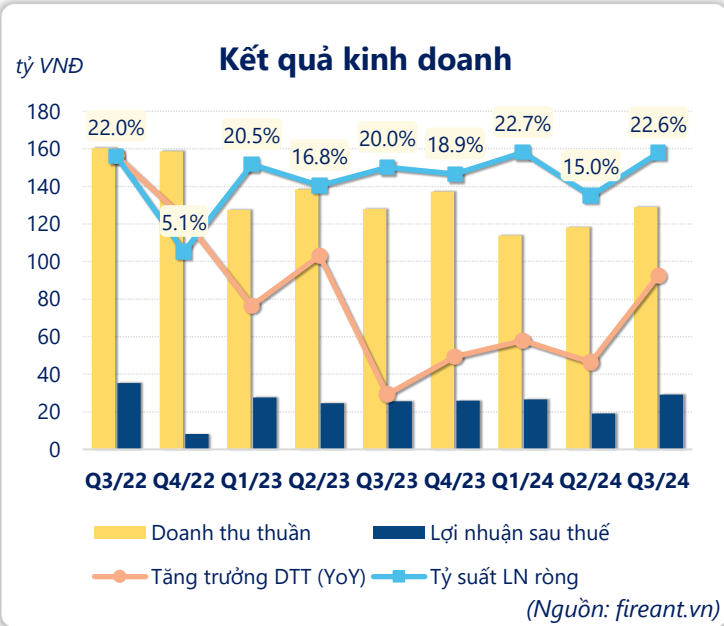
| | | |
|---------|-----|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN gộp | 144 | YoY ▼ 11.0 ▼ 7.1% |
| tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN thuần | 35.3 | QoQ ▲ 11.6 ▲ 48.9% |
| tỷ VNĐ | | YoY ▲ 3.00 ▲ 9.3% |

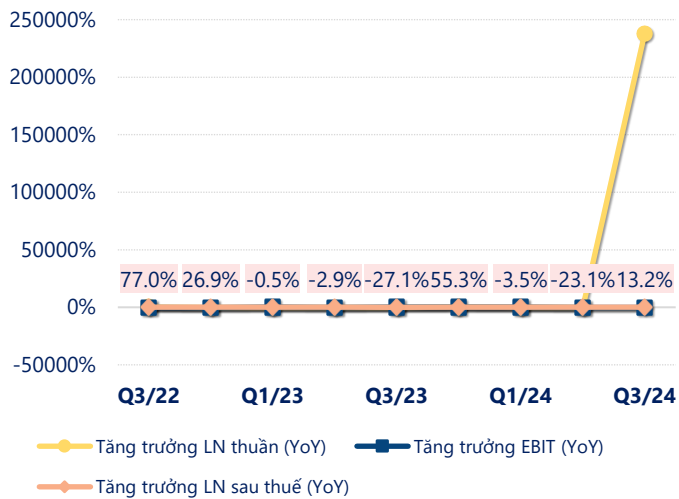
| | | |
|----------|------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN thuần | 92.5 | YoY ▼ 5.10 ▼ 5.3% |
| tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 29.1 | QoQ ▲ 10.0 ▲ 52.6% |
| tỷ VNĐ | | YoY ▲ 3.50 ▲ 13.9% |

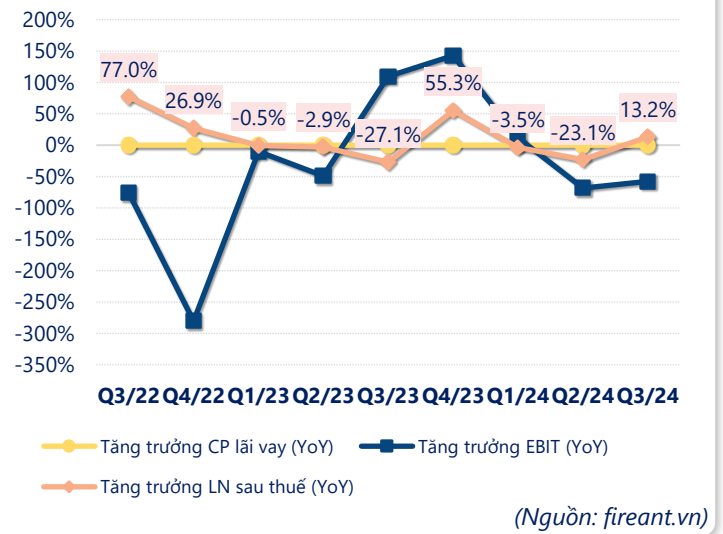
| | | |
|-------------|------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN sau thuế | 74.9 | YoY ▼ 2.90 ▼ 3.8% |
| tỷ VNĐ | | |



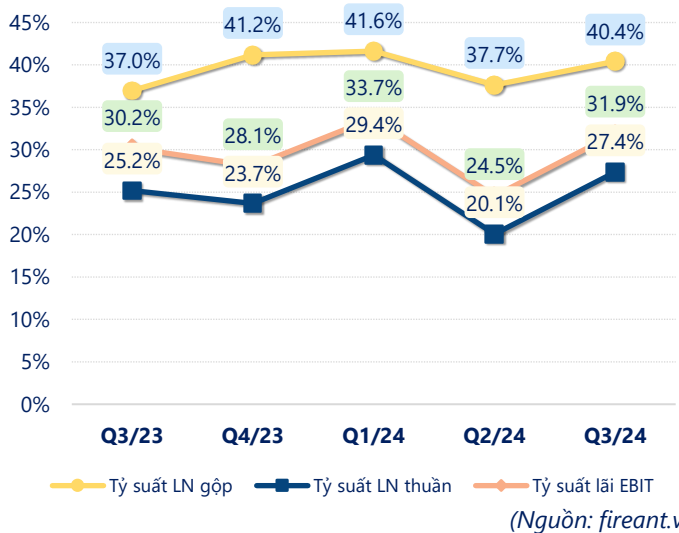
Tăng trưởng lợi nhuận



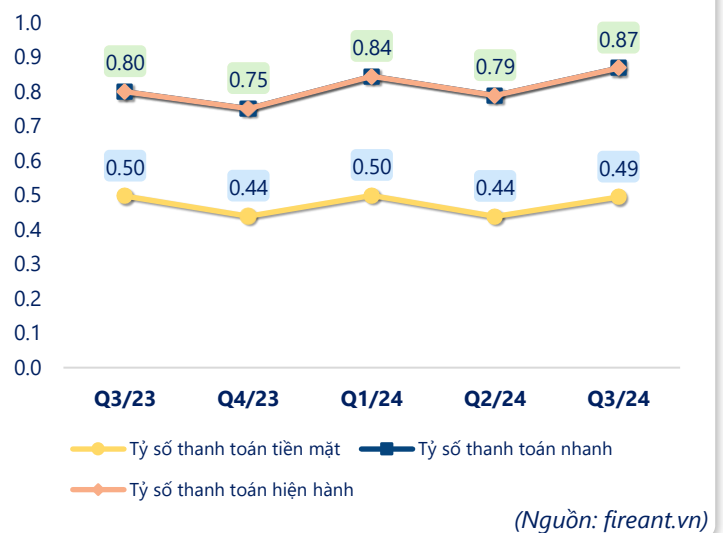
Tăng trưởng chi phí



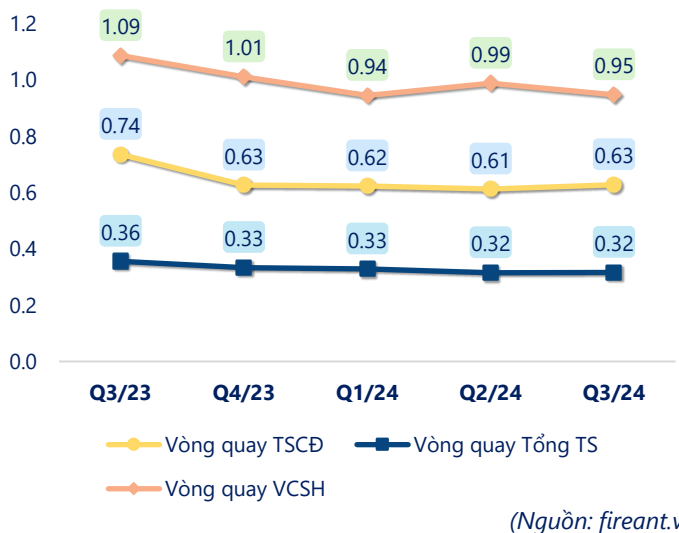
Tỷ suất lợi nhuận



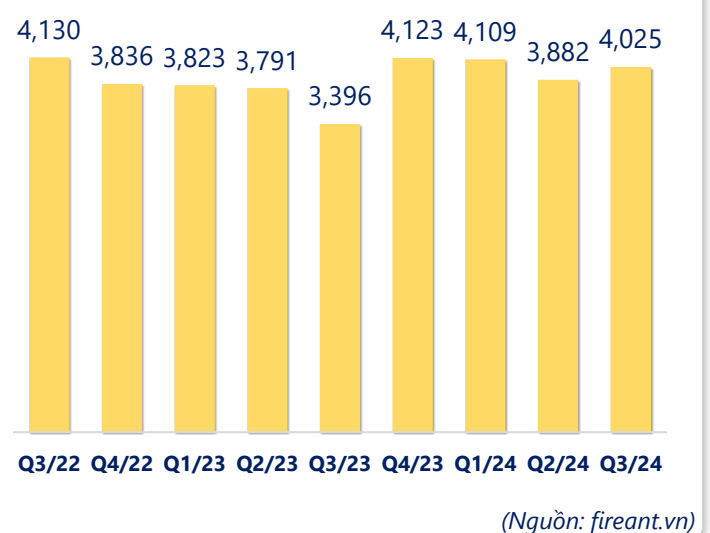
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|--------------|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 129 | 128 | 0.8% | 361 | 394 | -8.3% |
| Giá vốn hàng bán | 76.9 | 80.6 | -4.6% | 217 | 239 | -9.1% |
| Lợi nhuận gộp | 52.1 | 47.3 | 10.2% | 144 | 155 | -7.1% |
| Doanh thu HĐTC | 0.64 | 5.13 | -87.5% | 7.44 | 7.95 | -6.3% |
| Chi phí TC | 7.97 | 6.41 | 24.4% | 18.5 | 21.1 | -12.1% |
| Chi phí lãi vay | 4.73 | 6.56 | -27.8% | 15.2 | 21.2 | -28.3% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0.49 | 0.39 | 26.9% | 2.66 | 2.22 | 19.7% |
| Chi phí QLDN | 9.02 | 13.4 | -32.7% | 37.9 | 42.2 | -10.2% |
| LN thuần từ HĐKD | 35.3 | 32.3 | 9.3% | 92.5 | 97.6 | -5.3% |
| Lợi nhuận khác | 1.15 | -0.15 | 868% | 0.99 | -0.43 | 330% |
| LN trước thuế | 36.4 | 32.1 | 13.5% | 93.4 | 97.2 | -3.9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 29.1 | 25.6 | 13.9% | 74.9 | 77.8 | -3.8% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 29.1 | 25.6 | 13.9% | 72.7 | 75.1 | -3.2% |

(Nguồn: fireant.vn)

